

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ
Ngày: 07/7/2022
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Thuận.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thề.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 26/2022/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 2 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1971 - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn V, sinh năm 1966 - vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Trần Văn V đến với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyền số 01/2002 ngày 25/9/2002.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn 6, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông từ đó cho đến nay.

Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng mấy năm sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vượng thường xuyên chửi bới, đánh đập bà, khiến cho cuộc sống hôn nhân đối với bà trở nên áp lực nặng nề. Mặc dù bà đã cố gắng

nhấn nhin khuyên răn ông V nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân được 4 đến 5 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 04 con chung tên Trần Văn N, sinh năm 1991; Trần Văn T, sinh năm 1994; Trần Thị H, sinh năm 1999 và Trần Văn T, sinh năm 2000. Khi ly hôn vì các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông Trần Văn V trình bày: Ông và bà Trần Thị H tự nguyện đến với nhau năm 1990, không tổ chức lễ cưới, đến năm 2002 mới đi đăng ký kết hôn và được UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/2002.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn 6, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông từ đó cho đến nay đúng như lời bà H trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tài chính, bà H đổ thừa cho ông đi với người phụ nữ khác, do đó vợ chồng tình cảm xứt mẻ, vợ chồng chưa có thời gian ly thân, chỉ có thời gian bà H đi làm ăn xa. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà mong vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 04 con chung tên Trần Văn N, sinh năm 1991; Trần Văn T, sinh năm 1994; Trần Thị H, sinh năm 1999 và Trần Văn T, sinh năm 2000. Khi ly hôn vì các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và có yêu cầu như sau: Về quan hệ hôn nhân bà yêu cầu được ly hôn với ông Vượng. Về con chung: Vì các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Ông Trần Văn V vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Trần Văn V, vì vậy đây là vụ án hôn nhân gia đình. Ông Trần Văn V đang cư trú tại Thôn 06, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Ngày 30/5/2022 bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, mặt khác Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Trần Văn V vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 1/2002 ngày 25/9/2002 của UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông thì ông Trần Văn V và bà Trần Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các bản tự khai bà H cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là ông V thường xuyên chửi bới, đánh đập bà, khiến cuộc sống hôn nhân trở nên áp lực nặng nề, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2022 ông V cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do tài chính và bà H đổ thừa ông đi với người phụ nữ khác dẫn đến tình cảm vợ chồng bị xứt mẻ nhưng ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên từ sau ngày 29/3/2022 Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông V đến Tòa để hòa giải nhưng ông V đã không đến để giải quyết việc ly hôn thể hiện ông V không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó, hiện nay ông V và bà H đã ly thân không ai quan tâm gì đến ai. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông V và bà H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Trong quá trình sống chung ông V và bà H có 04 con chung tên Trần Văn N, sinh năm 1991; Trần Văn T, sinh năm 1994; Trần Thị H, sinh năm 1999 và Trần Văn T, sinh năm 2000. Vì con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, ông V và bà H đều không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trần Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 1/2002, ngày 25/9/2002 của UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị H chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003641 ngày 08/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Bà H đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Trần Văn

V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- UBND xã Nam Dong;
- CCTHADS Huyện Cư Jút;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

